

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 2 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng công chức
Kho bạc Nhà nước năm 2024**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ ban hành quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-BTC ngày 20/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao biên chế công chức giai đoạn 2024 - 2026 cho các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2024 của Kho bạc Nhà nước. Trong đó, số chỉ tiêu tuyển dụng là 601 chỉ tiêu.

(Kế hoạch tuyển dụng ban hành kèm theo Quyết định này).

2

Điều 2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng trên cơ sở báo cáo của Hội đồng tuyển dụng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, TCCB (15 b)2/



Hồ Đức Phước

KẾ HOẠCH

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC KHO BẠC NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-BTC ngày 19/02/2024 của Bộ Tài chính)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ, công chức và viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc Hội;
- Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;
- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021;
- Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;
- Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Quyết định số 1507/QĐ-BTC ngày 20/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao biên chế công chức giai đoạn 2024 - 2026 cho các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ nhu cầu tuyển dụng công chức năm 2024 của Cơ quan KBNN và KBNN các tỉnh, thành phố.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

2

Chỉ tiêu tuyển dụng công chức Kho bạc Nhà nước năm 2024 là 601 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- 13 chỉ tiêu đối với 01 đơn vị thuộc cơ quan Kho bạc Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin).
- 588 chỉ tiêu đối với 53 Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố gồm: Bắc Kạn, Bắc Ninh, Điện Biên, Hà Giang, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hòa Bình, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thừa Thiên Huế, Thái Bình, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Yên Bái, An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Định, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đắk Nông, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Khánh Hòa, Kiên Giang, Kon Tum, Lâm Đồng, Long An, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Vĩnh Long.

Trong đó, các vị trí việc làm theo ngạch công chức tuyển dụng gồm 04 vị trí việc làm như sau:

- Chuyên viên (nghiệp vụ; mã ngạch 01.003): 211 chỉ tiêu.
- Chuyên viên (tín học; mã ngạch 01.003): 36 chỉ tiêu.
- Văn thư viên (mã ngạch: 02.007): 03 chỉ tiêu.
- Kế toán viên (mã ngạch: 06.031): 351 chỉ tiêu.

(Bảng chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng theo Phụ lục 1 đính kèm)

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Điều kiện chung

Theo quy định tại Điều 36, Luật Cán bộ, công chức năm 2008, cụ thể như

sau:

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ

2.1. Về trình độ chuyên môn

- *Vị trí Chuyên viên nghiệp vụ:* có bằng tốt nghiệp đại học (cử nhân) hoặc sau đại học trong đó tên ngành/chuyên ngành ghi trên bằng tốt nghiệp hoặc trên bằng điểm có một trong các cụm từ sau: Luật Kinh tế, Luật Tài chính, Luật Hành chính, Luật Thương mại, Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Tín dụng, Đầu tư, Ngân sách, Thuế, Hải quan, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh.

- *Vị trí Kế toán viên:* có bằng tốt nghiệp đại học (cử nhân) hoặc sau đại học thuộc chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính. Trong đó, các trường hợp được xem xét để tham gia thi tuyển vị trí Kế toán viên bao gồm: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với tên chuyên ngành ghi trên văn bằng, phụ lục văn bằng, bằng điểm có cụm từ kế toán, kiểm toán, tài chính thì được xem xét để tham gia thi tuyển vị trí Kế toán viên (ví dụ: Kế toán doanh nghiệp, Kế toán - Kiểm toán; Kế toán, kiểm toán và phân tích; Tài chính công; Quản trị tài chính; Quản lý tài chính công; Phân tích tài chính; Phân tích chính sách tài chính; Đầu tư tài chính; Tin học Tài chính - Kế toán;...). Trong đó không bao gồm các chuyên ngành về Ngôn ngữ (ví dụ: Ngôn ngữ Anh Tài chính - Ngân hàng; ...)

- *Vị trí Chuyên viên tin học*

Có bằng tốt nghiệp đại học (cử nhân, kỹ sư) hoặc sau đại học trong đó tên ngành/chuyên ngành ghi trên bằng tốt nghiệp hoặc trên bằng điểm có một trong các cụm từ sau: Tin học; Điện tử tin học; Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ truyền thông; Hệ thống thông tin quản lý; Kỹ thuật máy tính; Tin học ứng dụng; Toán ứng dụng; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý hệ thống thông tin; Toán tin; Sư phạm tin học; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật viễn thông; Kỹ thuật mật mã.

- *Vị trí Văn thư viên*

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ.

2.2. Về trình độ ngoại ngữ, tin học

a) Trình độ ngoại ngữ

- Đối với thí sinh đăng ký dự thi vị trí Chuyên viên nghiệp vụ (KBNN Hà Nội, KBNN Thành phố Hồ Chí Minh), Chuyên viên Tin học (Cơ quan KBNN): Thí sinh có khả năng sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Vị trí Chuyên viên nghiệp vụ, Chuyên viên tin học và Kế toán viên: Thí sinh có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức như sau:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Trường hợp người dự tuyển công chức thuộc nhiều diện ưu tiên theo quy định thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi hoặc xét tại vòng 2.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI TUYỂN VÀ XÁC ĐỊNH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

1. Nội dung và hình thức thi tuyển

Tuyển dụng công chức Kho bạc Nhà nước năm 2024 được thực hiện theo hình thức thi tuyển. Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ, thi tuyển công chức thực hiện theo 2 vòng như sau:

a) Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

7 / 20

5

- Nội dung thi và thời gian thi: gồm 2 phần

Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN trực thuộc Bộ Tài chính, KBNN ở tỉnh, thành phố trực thuộc TW, KBNN huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc KBNN ở tỉnh, thành phố trực thuộc TW. Thời gian thi 60 phút, bao gồm quy định tại các văn bản sau:

+ **Hệ thống chính trị và tổ chức bộ máy nhà nước**

(1) Hiến pháp năm 2013;

(2) Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13;

(3) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13;

(4) Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

(5) Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

+ **Công chức, công vụ và quản lý hành chính nhà nước**

(1) Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

(2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12;

(3) Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

(4) Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

+ **Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống KBNN**

(1) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN trực thuộc Bộ Tài chính;

(2) Quyết định của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

(3) Quyết định của Kho bạc Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc Kho bạc Nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(Sẽ thông báo chi tiết số hiệu văn bản có hiệu lực tại thời điểm ban hành Thông báo tuyển dụng)

Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi. Thời gian thi là 30 phút. Trong đó:

+ Đối với thí sinh đăng ký dự thi vị trí Chuyên viên nghiệp vụ (KBNN Hà

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

+ Đối với thí sinh đăng ký dự thi vị trí Chuyên viên nghiệp vụ, Chuyên viên tin học (KBNN tỉnh, thành phố còn lại) và Kế toán viên: Thí sinh thi môn tiếng Anh trình độ bậc 2 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Vị trí Văn thư viên không phải thi ngoại ngữ.

Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số gồm: KBNN Bắc Kạn, KBNN Hà Giang, KBNN Lạng Sơn, KBNN Tuyên Quang.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức thi: Thi viết.

- Thời gian thi: 180 phút.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, cụ thể:

(i). Thí sinh đăng ký dự tuyển vào vị trí Chuyên viên nghiệp vụ:

(1) Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

(2) Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

(3) Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

(ii). Thí sinh đăng ký dự tuyển vào vị trí Kế toán viên:

(1) Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

(2) Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định số điều của Luật Kế toán.

(3) Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

(iii). Thí sinh đăng ký dự tuyển vào vị trí Chuyên viên tin học tại Cơ quan

KBNN:

- Vị trí Chuyên viên tin học phần mềm và cơ sở dữ liệu:

- (1) Kiến thức tổng quan về kiến trúc máy tính;
- (2) Kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình C;
- (3) Kiến thức cơ bản về câu lệnh truy vấn dữ liệu.

- Vị trí Chuyên viên tin học quản trị hạ tầng:

- (1) Kiến thức tổng quan về kiến trúc máy tính;
- (2) Kiến thức cơ bản về mạng máy tính: mô hình OSI, thiết bị định tuyến, thiết bị chuyển mạch, thiết bị kết nối không dây;
- (3) Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Window Server.

(iv). Thí sinh đăng ký dự tuyển vào vị trí Chuyên viên tin học tại KBNN tỉnh, thành phố:

- (1) Kiến thức tổng quan về kiến trúc máy tính;
- (2) Kiến thức cơ bản về mạng: mô hình OSI, phân loại mạng (mạng Bus, Star, Ring);
- (3) Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Window Server.

(v). Thí sinh đăng ký dự tuyển vào vị trí Văn thư viên:

- (1) Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011;
- (2) Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

(3) Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

2. Xác định người trúng tuyển

Xác định thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu

theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chi tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chi tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

- Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, HỒ SƠ TRÚNG TUYỂN VÀ LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Hồ sơ đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí dự tuyển gồm các thành phần tài liệu sau:

8

a) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu đính kèm. Tại Phiếu đăng ký dự tuyển, Thí sinh dự tuyển khai đúng theo hướng dẫn ghi trong phiếu, có thể viết tay hoặc đánh máy nhưng phải ký tên trên từng trang của Phiếu đăng ký.

b) Bản chụp (phô tô) bằng tốt nghiệp và bằng điểm học tập;

Đối với các trường hợp có giấy chứng nhận tốt nghiệp: thí sinh nộp bản chứng thực giấy chứng nhận tốt nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ và phải bổ sung bằng tốt nghiệp trước ngày thi tuyển. Trường hợp trước ngày thi tuyển chính thức, thí sinh chưa bổ sung bằng tốt nghiệp đã đăng ký dự tuyển thì không được tham dự kỳ thi tuyển.

Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, thí sinh nộp bản phô tô văn bằng, bằng điểm học tập kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực và bản phô tô giấy công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 1. 10 / 20

Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải nộp các tài liệu chứng minh miễn thủ tục công nhận văn bằng theo quy định.

Đối với thí sinh dự tuyển đã có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp nhưng chưa có giấy công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, khi nộp hồ sơ tuyển dụng có thể nộp bản phô tô văn bằng, bằng điểm học tập kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực và phải nộp bổ sung giấy công nhận văn bằng tương đương với trình độ đào tạo quy định tại Khung trình độ Quốc gia Việt Nam do Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục cấp trước ngày thi tuyển. Trường hợp trước ngày thi tuyển chính thức, thí sinh chưa bổ sung giấy công nhận văn bằng tương đương với trình độ đào tạo quy định tại Khung trình độ Quốc gia Việt Nam do Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục cấp sẽ không được tham dự kỳ thi.

c) Trường hợp người dự tuyển được miễn thi ngoại ngữ, yêu cầu nộp bản chụp (bản photo) một trong các giấy tờ sau:

- Bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ.

- Bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

- Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số: nộp bản chụp Giấy khai sinh của thí sinh ghi rõ dân tộc thiểu số hoặc bản chụp (bản photo) chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

d) Đối với người dự tuyển là đối tượng ưu tiên tuyển dụng thì nộp thêm các giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên theo quy định về ưu tiên trong tuyển dụng.

- Giấy tờ các loại có xác nhận là anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động; Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; Thẻ (thương binh, bệnh binh...); Quyết định được hưởng chính sách là thương binh; Quyết định trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hoá học.

9

- Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu đãi do Phòng Lao động thương binh và xã hội cấp huyện/UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận.

- Quyết định xuất ngũ hoặc các giấy tờ xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ

Phụ lục
CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC KHO BẠC NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2024 của Bộ Tài chính)

STT	Đơn vị	Tổng Chỉ tiêu	Chuyên viên nghiệp vụ	Kế toán viên	Chuyên viên tin học			Văn thư viên
					CVTH phần mềm và cơ sở dữ liệu	CVTH quản trị hạ tầng	CVTH tại KBNN tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Khu vực Miền Bắc bao gồm 24 tỉnh (Bắc Kạn, Bắc Ninh, Điện Biên, Hà Giang, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hòa Bình, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thừa Thiên Huế, Thái Bình, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Yên Bái) và cơ quan KBNN							
1	Bắc Kạn	1	0	0			1	0
2	Bắc Ninh	2	0	2			0	0
3	Điện Biên	7	0	6			1	0
4	Hà Giang	8	0	7			1	0
5	Hà Nam	1	0	1			0	0
6	Hà Nội	22	7	13			2	0
7	Hà Tĩnh	6	3	3			0	0
8	Hải Phòng	6	6	0			0	0
9	Hoà Bình	6	3	3			0	0
10	Lai Châu	18	0	16			2	0
11	Lạng Sơn	2	0	2			0	0
12	Lào Cai	16	9	7			0	0
13	Nam Định	4	0	4			0	0
14	Nghệ An	2	2	0			0	0
15	Ninh Bình	4	2	2			0	0
16	Phú Thọ	3	0	3			0	0
17	Quảng Ninh	5	2	2			1	0
18	Quảng Trị	2	0	1			1	0
19	Sơn La	1	0	1			0	0
20	T.T. Huế	9	2	7			0	0
21	Thái Bình	3	2	1			0	0
22	Thanh Hoá	1	0	1			0	0

2

TT	Đơn vị	Tổng Chỉ tiêu	Chuyên viên nghiệp vụ	Kế toán viên	Chuyên viên tin học			Văn thư viên
					CVTH phần mềm và cơ sở dữ liệu	CVTH quản trị hạ tầng	CVTH tại KBNN tỉnh	
23	Tuyên Quang	1	0	1			0	0
24	Yên Bái	14	2	11			1	0
25	Cơ quan KBNN	13	0	0	2	10	0	1
	Tổng	157	40	94	2	10	10	1
II	Khu vực Miền Nam bao gồm 30 tỉnh (An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Định, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đắk Nông, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Khánh Hòa, Kiên Giang, Kon Tum, Lâm Đồng, Long An, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Vĩnh Long)							
1	An Giang	25	9	15			1	0
2	Bà Rịa VT	9	3	6			0	0
3	Bạc Liêu	13	5	8			0	0
4	Bến Tre	8	4	4			0	0
5	Bình Định	1	0	1			0	0
6	Bình Dương	18	5	11			2	0
7	Bình Phước	17	7	9			1	0
8	Bình Thuận	9	4	5			0	0
9	Cà Mau	22	12	9			1	0

TT	Đơn vị	Tổng Chỉ tiêu	Chuyên viên nghiệp vụ	Kế toán viên	Chuyên viên tin học			Văn thư viên
					CVTH phần mềm và cơ sở dữ liệu	CVTH quản trị hạ tầng	CVTH tại KBNN tỉnh	
23	Tuyên Quang	1	0	1			0	0
24	Yên Bái	14	2	11			1	0
25	Cơ quan KBNN	13	0	0	2	10	0	1
	Tổng	157	40	94	2	10	10	1
II	Khu vực Miền Nam bao gồm 30 tỉnh (An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Định, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đắk Nông, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Khánh Hòa, Kiên Giang, Kon Tum, Lâm Đồng, Long An, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Vĩnh Long)							
1	An Giang	25	9	15			1	0
2	Bà Rịa VT	9	3	6			0	0
3	Bạc Liêu	13	5	8			0	0
4	Bến Tre	8	4	4			0	0
5	Bình Định	1	0	1			0	0
6	Bình Dương	18	5	11			2	0
7	Bình Phước	17	7	9			1	0
8	Bình Thuận	9	4	5			0	0
9	Cà Mau	22	12	9			1	0
10	Cần Thơ	14	6	8			0	0
11	Đà Nẵng	3	0	3			0	0
12	Đắk Nông	7	4	2			1	0
13	Đồng Nai	17	4	11			2	0
14	Đồng Tháp	12	5	7			0	0
15	Hậu Giang	20	4	15			1	0
16	Khánh Hoà	4	3	1			0	0
17	Kiên Giang	21	9	12			0	0
18	Kon Tum	7	0	6			1	0
19	Lâm Đồng	21	13	6			1	1
20	Long An	25	7	18			0	0
21	Ninh Thuận	8	4	4			0	0
22	Phú Yên	8	4	4			0	0

STT	Đơn vị	Tổng Chỉ tiêu	Chuyên viên nghiệp vụ	Kế toán viên	Chuyên viên tin học			Văn thư viên
					CVTH phần mềm và cơ sở dữ liệu	CVTH quản trị hạ tầng	CVTH tại KBNN tỉnh	
23	Quảng Nam	3	2	1				0
24	Quảng Ngãi	10	0	10				0
25	Sóc Trăng	29	14	13			2	0
26	Tây Ninh	18	5	13			0	0
27	Tiền Giang	21	16	3			1	1
28	TP HCM	46	16	30			0	0
29	Trà Vinh	11	4	7			0	0
30	Vĩnh Long	17	2	15			0	0
	Tổng	444	171	257	0	0	14	2
	TỔNG	601	211	351	2	10	24	3